BÀI 2- PHIẾU GIAO BÀI TẬP CHUẨN BỊ BÀI

*Chú ý: Các file bài tập cần đặt tên theo mẫu PT&DTYCPM\_STTBai\_TenSV\_ MaSV (Ví dụ: PT&DTYCPM\_2.1\_NguyenVanAn\_123456)*

# Bài 2.1: Các phương pháp thu thập thông tin người dùng

Phỏng vấn: là hỏi trực tiếp người có liên quan để thu thập thông tin.

Nghiên cứu tài liệu viết

Sử dụng phiếu điều tra (điều tra bằng bảng hỏi)

Quan sát

Đọc kiến thức cơ sở

Bài 2.2: nêu các bước trong lập kế hoạch phỏng vấn

Có 5 bước trong lập kế hoạch phỏng vấn đó là:

* Đọc tài liệu cơ sở (những tài liệu căn bản của cái cần phỏng vấn, nhằm biết những thứ căn bản và hỗ trợ cho việc phỏng vấn)
* Thiết lập mục tiêu phỏng vấn (thông qua cuộc phỏng vấn muốn đạt được những gì)
* Quyết định người được phỏng vấn (chọn số người, là ai, thỏa thuận gì…)
* Quyết định cho người được phỏng vấn
* Quyết định kiểu và cấu trúc câu hỏi ( các câu hỏi đóng, các câu hỏi mở, các câu hỏi vì sao, cấu trúc hình phễu, cấu trúc hình nón, cấu hình thoi)

Bài tập 2.3. Nêu khái niệm và cách sử dụng các loại câu hỏi phỏng vấn?

* Câu hỏi mở:
  + Là các câu hỏi có nhiều khả năng trả lời và câu trả lời tùy thuộc vào điều kiện và sự hiểu biết của người trả lời
  + Câu hỏi này thích hợp khi không biết chính xác điều định hỏi và muốn khuyến khích người trả lời nói chuyện
  + VD: Anh hãy nhận xét hệ thống thư viện anh đang dùng hiện tại?
* Câu hỏi đóng:
  + Là câu hỏi có giới hạn các phương án trả lời có thể
  + Câu hỏi này thích hợp cho việc thu thập tài liệu chắc chắn, rõ ràng và dễ phân tích
  + VD: hệ thống có nhanh không, đánh giá dịch vụ tốt hay trung bình
* Câu hỏi vì sao:
  + Mục đích câu đi sâu vào hơn câu trả lời ban đầu, để hiểu rõ hơn ý nghĩa câu trả lời ban đầu đó, hoặc mở rộng quan điểm người được phỏng vấn.
  + VD: vì sau anh lại đánh giá dịch vụ này tệ?

Bài tập 2.4. Nêu khái niệm và cách sử dụng các cấu trúc phỏng vấn?

Có 3 cấu trúc phỏng vấn:

* Cấu trúc hình chóp:
  + Bát đầu với các câu hỏi đóng và dẫn dần hướng tới các câu hỏi mở.
  + Có lợi nếu người được phỏng vấn cần được làm quen với chủ đề hay dường như miễn cưỡng phải trả lời các câu hỏi trong chủ đề được đưa ra
* Cấu trúc hình phễu:
  + Bắt đầu bằng với các câu hỏi mở, dẫn dần hướng tới các câu hỏi đóng.
  + Sử dụng có lợi khi người được phỏng vấn cảm thấy bức xúc về chủ đề và cần tự do diễn đạt những cảm xúc đó
* Cấu trúc hình thoi:
  + Bắt đầu bằng câu hỏi đóng, dần chuyển sang câu hỏi mở, kết thúc với các câu hỏi đóng.
  + Sử dụng tuy có mất thời gian nhưng giữ được sử chú ý của người được phỏng vấn

Bài tập 2.5. Nội dung của một phiếu điều tra gồm những phần nào?

Nội dung phiếu điều tra gồm 3 phần:

* Phần tiêu đề: gồm tên tiêu đề ghi rõ mục đích của phiếu đều tra và thông tin về các đối tượng được hỏi
* Phần câu hỏi: gồm các câu hỏi khác nhau được bố trí sắp xếp theo một trình tự nhất định theo yêu cầu và mục tiêu dự kiến. Trong các câu hỏi nên có các thông tin phân loại đối tượng được hỏi theo nhóm (nghề nghiệp, chức danh, độ tuổi…)
* Phần giải thích: một số chú thích cho những vấn đề cần làm rõ trong phiếu điều tra hoặc chú thích khác. VD: “xin gửi phiếu điều tra về địa chỉ”

Các câu hỏi thường có dạng cho sẳn khả năng lựa chọn để người trả lời đánh dấu các câu tra lời

Phiếu điều tra sau khi soạn thảo được thử nghiệm trong phạm vi hẹp sau đó hoàn chỉ bổ sung rồi phát hành rộng rãi

Bài tập 2.6. Các loại thang đo trong câu hỏi của phiếu điều tra?

Có 4 loại khác nhau của thang đo phân loại:

* Thang đo theo tên: được dùng để phân loại sự việc. Là dạng yếu nhất của phép đo. Chỉ có 1 kết quả cho mỗi sự phân loại
* Thang đo thứ tự: giống như thang đo theo tên theo phép phân loại. Thang đo thứ tự bao gồm dãy có thứ tự. Hữu ích khi một lớp lớn hơn hoặc nhỏ hơn lớp khác
* Thang đo theo khoảng: được dùng khi các khoảng bằng nhau. Phép tính giá trị trung bình có thể thực hiện trên dữ liệu.
* Thang đo theo tỷ lệ: Khoảng cách giữa các số bằng nhau, có một giá trị 0 tuyệt đối. Thang này ít sử dụng nhất.

Bài tập 2.7. Nêu các hình thức phát phiếu điều tra?

* Tập hợp tất cả mọi người vào cùng một thời điểm để trả lời phiếu điều tra:
  + Ưu điểm: không mất thời gian chờ đợi trước khi thu lại tất cả các phiếu, tất cả mọi người cùng nhận được 1 sự hướng dẫn, 100% bản mẩu thu lại được
  + Nhược điểm: không phải tất cả mọi người điều rảnh rỗi cùng một thời điểm theo kế hoạch, một số áp lực có thể tạo ra hoặc chống lại việc hoàn thành phiếu.
* Phát trực tiếp đến từng các nhân và thu trực tiếp từ họ
  + Ưu: tỉ lệ trả lời tốt
  + Nhược: nghi ngờ vào độ tin cậy
* Phát phiếu và cho phép mọi người tự bỏ phiếu đã điềm vào 1 hòm trống ở trung tâm
  + Ưu: cho phép người trả lời cảm thấy tình trạng nặn danh được đảm bảo và có thể đưa ra câu trả lời không một cách đề phòng
  + Nhược: tỷ lệ trả lời thấp vì mọi người quên biểu mẫu, đánh mất phiếu hoặc cố tình lờ đi.
* Gửi phiếu qua thư:
  + Ưu: có thể điều ta cả người ở xa
  + Khó khăn: tỷ lệ trả lời thấp nhất
* Thực thi trên web hoặc thư điện tử
  + Ưu: thông tin thu nhanh, chi phí tối thiểu, thuận tiện cho người trả lời, dữ liệu được tập hợp và lưu trữ tự động, lời nhắc nhỡ có thể dễ dàng gửi qua email.
  + Nhược: yêu cầu bảo mật cao, điều tra k thu được tỷ lệ chính sác. Người trả lời có thể nghi ngờ về tính bảo mật nên thận trọng khi trả lời.

Bài tập 2.8. Có những phương pháp quan sát nào? Khái niệm và cách sử dụng mỗi phương pháp.

* Lấy mẫu theo thời gian:
* Lấy mẫu theo sự kiện:

Bài tập 2.9. Nêu các tiêu chí đánh giá tính khả thi của một hệ thống

* Về hoạt động : Tài nguyên con người có sẳn cho dự án không.Hệ thống có được vận hành khi được cài đặt không. Hệ thống có được sử dụng k
* Về kỹ thuật: Hệ thống hiện tại có được cải tiến không, công nghệ có sản sàng đáp ứng nhu cầu cho người dùng không.
* Về kinh tế: thời gian của phân tích hệ thống, chi phí nghiên cứu hệ thống, chi phí thời gian của nhân viên dành cho nghiên cứu,chi phi ước lượng về phần cứng, mềm , đóng gói,và phát triển
* Về thời gian: tính hợp lý của thời gian tiến hành dự án

Bài tập 2.10. Nội dung của một báo cáo khả thi gồm những mục nào

1. Tổng quan về các đề xuất
2. Phác thảo hệ thống hiện tại và các tài liệu ứng dụng
3. Các kết quả chi tiết nghiên cứu hệ thống hiện tại
4. Các hệ thống là giải pháp ( 3-4 lựa chọn)
5. Phân tích các lựa chọn
6. Đề xuất giải pháp được chọn
7. Phụ lục (so sánh chi phí và lợi ích của các lựa chọn, bảng trọng số ưu nhược điểm…)